

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Môn thi thứ 1	Môn thi thứ 2	Ghi chú
1	10000124	Vũ Trường An	30/10/2008	12A1	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
2	10000251	Bùi Diệu Anh	14/04/2008	12A1	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
3	10000129	Nguyễn Đức Anh	07/11/2008	12A1	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
4	10000006	Nguyễn Mai Anh	29/05/2008	12A1	P01	Vật lý	Hóa học	
5	10000007	Nguyễn Phương Anh	21/08/2008	12A1	P01	Vật lý	Hóa học	
6	10000138	Trần Nhật Anh	01/01/2008	12A1	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
7	10000011	Trần Tuấn Anh	08/04/2008	12A1	P01	Vật lý	Hóa học	
8	10000424	Nguyễn Thanh Bình	17/07/2008	12A1	P18	Vật lý	Sinh học	
9	10000019	Bùi Ngọc Bảo Chi	01/01/2008	12A1	P01	Vật lý	Hóa học	
10	10000144	Nguyễn Mai Chi	16/08/2008	12A1	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
11	10000431	Trần Lâm Dũng	21/01/2008	12A1	P18	Hóa học	Sinh học	
12	10000149	Nguyễn Nhật Dương	13/08/2008	12A1	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
13	10000032	Quách Văn Dương	11/01/2008	12A1	P02	Vật lý	Hóa học	
14	10000033	Trần Thị Thuỳ Dương	07/01/2008	12A1	P02	Vật lý	Hóa học	
15	10000152	Trần Thuỳ Dương	09/03/2008	12A1	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
16	10000035	Nguyễn Anh Đức	22/02/2008	12A1	P02	Vật lý	Hóa học	
17	10000157	Phan Minh Đức	30/10/2008	12A1	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
18	10000036	Trần Minh Đức	09/02/2008	12A1	P02	Vật lý	Hóa học	
19	10000161	Vũ Phương Hà	01/05/2008	12A1	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
20	10000164	Vũ Minh Hiền	17/10/2008	12A1	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
21	10000052	Bùi Huy Hoàng	07/03/2008	12A1	P03	Vật lý	Hóa học	
22	10000170	Trần Quốc Huy	28/11/2008	12A1	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
23	10000265	Bùi Thu Huyền	26/10/2008	12A1	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
24	10000173	Nguyễn Phúc Hưng	10/09/2008	12A1	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
25	10000062	Trần Thu Hường	19/05/2008	12A1	P03	Vật lý	Hóa học	
26	10000175	Nguyễn Quốc Khánh	24/04/2008	12A1	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
27	10000064	Nguyễn Vân Khánh	02/11/2008	12A1	P03	Vật lý	Hóa học	
28	10000068	Nguyễn Đăng Khôi	29/08/2008	12A1	P03	Vật lý	Hóa học	
29	10000178	Lương Ngọc Thùy Linh	14/04/2008	12A1	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
30	10000073	Nguyễn Hoàng Linh	07/12/2008	12A1	P03	Vật lý	Hóa học	
31	10000079	Tổng Vũ Phương Mai	15/01/2008	12A1	P04	Vật lý	Hóa học	
32	10000080	Đặng Đức Minh	07/03/2008	12A1	P04	Vật lý	Hóa học	
33	10000432	Nguyễn Tuệ Minh	25/03/2008	12A1	P18	Hóa học	Sinh học	
34	10000389	Trần Doãn Quang Minh	18/12/2008	12A1	P16	Tiếng Anh	Hóa học	
35	10000184	Trần Quang Hiếu Minh	26/08/2008	12A1	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
36	10000082	Nguyễn Thị Vân Nga	17/01/2008	12A1	P04	Vật lý	Hóa học	
37	10000187	Lê Trần Tuấn Nghĩa	06/11/2008	12A1	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
38	10000083	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	01/09/2008	12A1	P04	Vật lý	Hóa học	
39	10000349	Bùi Yến Nhi	25/09/2008	12A1	P15	Lịch sử	Tiếng Anh	
40	10000088	Trần Đỗ Hoàng Phú	12/02/2008	12A1	P04	Vật lý	Hóa học	
41	10000089	Vũ Như Phú	16/03/2008	12A1	P04	Vật lý	Hóa học	
42	10000239	Bùi Phạm Anh Thư	08/09/2008	12A1	P10	Vật lý	Lịch sử	
43	10000433	Nguyễn Thị Minh Thư	13/02/2008	12A1	P18	Hóa học	Sinh học	
44	10000104	Nguyễn Minh Tiếp	20/10/2008	12A1	P05	Vật lý	Hóa học	
45	10000197	Hà Thuỳ Trang	13/02/2008	12A1	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
46	10000110	Giáp Bằng Trung	01/08/2008	12A1	P05	Vật lý	Hóa học	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Môn thi thứ 1	Môn thi thứ 2	Ghi chú
1	10000128	Mai Quỳnh Anh	01/01/2008	12A2	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
2	10000008	Nguyễn Thị Hoài Anh	11/02/2008	12A2	P01	Vật lý	Hóa học	
3	10000137	Phan Nguyễn Lan Anh	29/03/2008	12A2	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
4	10000434	Nguyễn Huy Bách	17/07/2008	12A2	P18	Hóa học	Sinh học	
5	10000014	Nguyễn Hữu Bách	22/06/2008	12A2	P01	Vật lý	Hóa học	
6	10000017	Bùi Đăng Báu	12/01/2008	12A2	P01	Vật lý	Hóa học	
7	10000018	Nguyễn Minh Châu	26/09/2008	12A2	P01	Vật lý	Hóa học	
8	10000206	Nguyễn Quỳnh Chi	10/06/2008	12A2	P09	Vật lý	Lịch sử	
9	10000020	Nguyễn Đăng Cường	01/10/2008	12A2	P01	Vật lý	Hóa học	
10	10000021	Phạm Thị Ngọc Diệp	20/06/2008	12A2	P01	Vật lý	Hóa học	
11	10000023	Nguyễn Tiến Dũng	19/01/2008	12A2	P01	Vật lý	Hóa học	
12	10000435	Phan Nguyễn Hải Duy	05/12/2008	12A2	P18	Hóa học	Sinh học	
13	10000026	Phạm Bình Dương	05/03/2008	12A2	P02	Vật lý	Hóa học	
14	10000029	Bùi Hải Đăng	10/09/2008	12A2	P02	Vật lý	Hóa học	
15	10000155	Nguyễn Hải Đăng	23/07/2008	12A2	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
16	10000156	Nguyễn Phúc Đức	10/04/2008	12A2	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
17	10000390	Hoàng Thị Trường Giang	03/11/2008	12A2	P16	Tiếng Anh	Hóa học	
18	10000262	Hoàng Ngọc Hà	20/10/2008	12A2	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
19	10000038	Trần Mạnh Hà	25/02/2008	12A2	P02	Vật lý	Hóa học	
20	10000039	Trương Ngọc Hà	02/03/2008	12A2	P02	Vật lý	Hóa học	
21	10000160	Nguyễn Thế Hải	18/06/2008	12A2	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
22	10000041	Vũ Trung Hiếu	15/11/2008	12A2	P02	Vật lý	Hóa học	
23	10000048	Nguyễn Huy Hoàng	01/03/2008	12A2	P02	Vật lý	Hóa học	
24	10000053	Nguyễn Huy Hùng	20/05/2008	12A2	P03	Vật lý	Hóa học	
25	10000168	Vũ Nhất Huy	06/10/2008	12A2	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
26	10000058	Trần Quang Hưng	17/06/2008	12A2	P03	Vật lý	Hóa học	
27	10000060	Nguyễn Tuấn Khoa	16/04/2008	12A2	P03	Vật lý	Hóa học	
28	10000066	Bùi Thành Lâm	06/09/2008	12A2	P03	Vật lý	Hóa học	
29	10000436	Lê Hoàng Phương Linh	28/05/2008	12A2	P18	Hóa học	Sinh học	
30	10000072	Trần Gia Linh	15/03/2008	12A2	P03	Vật lý	Hóa học	
31	10000074	Trần Thị Hà Linh	15/03/2008	12A2	P03	Vật lý	Hóa học	
32	10000075	Đỗ Ngọc Minh	27/01/2008	12A2	P03	Vật lý	Hóa học	
33	10000182	Nguyễn Hồng Minh	02/01/2008	12A2	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
34	10000228	Trần Thị Thanh Ngân	26/01/2008	12A2	P10	Vật lý	Lịch sử	
35	10000391	Nguyễn Thị Bích Ngọc	19/08/2008	12A2	P16	Tiếng Anh	Hóa học	
36	10000396	Hoàng Mai Phương	23/07/2008	12A2	P16	Tiếng Anh	Tin học	
37	10000091	Đặng Hồng Quân	22/10/2008	12A2	P04	Vật lý	Hóa học	
38	10000192	Lưu Trần Thanh Tâm	04/01/2008	12A2	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
39	10000097	Vũ Hồng Thái	07/12/2008	12A2	P04	Vật lý	Hóa học	
40	10000437	Vũ Tiến Thành	02/01/2008	12A2	P18	Hóa học	Sinh học	
41	10000100	Hồ Văn Tới	02/08/2008	12A2	P05	Vật lý	Hóa học	
42	10000105	Mai Anh Tuấn	19/02/2008	12A2	P05	Vật lý	Hóa học	
43	10000112	Nguyễn Tổng Tuấn	07/11/2008	12A2	P05	Vật lý	Hóa học	
44	10000113	Nguyễn Huy Tùng	22/10/2008	12A2	P05	Vật lý	Hóa học	
45	10000199	Bùi Thị Hà Vy	28/06/2008	12A2	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
46	10000358	Đặng Trần Hải Yến	15/12/2008	12A2	P15	Lịch sử	Tiếng Anh	
47	10000438	Đinh Trọng Cường	26/01/2008	12A2	P18	Hóa học	Sinh học	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Môn thi thứ 1	Môn thi thứ 2	Ghi chú
1	10000002	Giáp Bằng An	04/12/2008	12A3	P01	Vật lý	Hóa học	
2	10000004	Lưu Thị Lan Anh	04/08/2008	12A3	P01	Vật lý	Hóa học	
3	10000133	Nguyễn Trần Duy Anh	23/05/2008	12A3	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
4	10000009	Nguyễn Tuấn Anh	26/03/2008	12A3	P01	Vật lý	Hóa học	
5	10000135	Nguyễn Vân Anh	02/02/2008	12A3	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
6	10000013	Hoàng Vi Ánh	08/07/2008	12A3	P01	Vật lý	Hóa học	
7	10000024	Nguyễn Mạnh Dũng	10/11/2008	12A3	P01	Vật lý	Hóa học	
8	10000027	Trần Khương Duy	14/03/2008	12A3	P02	Vật lý	Hóa học	
9	10000028	Hoàng Thị Ánh Dương	29/07/2008	12A3	P02	Vật lý	Hóa học	
10	10000031	Phan Tùng Dương	02/05/2008	12A3	P02	Vật lý	Hóa học	
11	10000042	Vũ Công Hải	17/01/2008	12A3	P02	Vật lý	Hóa học	
12	10000044	Nguyễn Thế Hiển	23/11/2008	12A3	P02	Vật lý	Hóa học	
13	10000054	Nguyễn Mai Hoàng	17/10/2008	12A3	P03	Vật lý	Hóa học	
14	10000264	Trần Thị Huệ	26/12/2008	12A3	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
15	10000056	Trần Mạnh Hùng	01/02/2008	12A3	P03	Vật lý	Hóa học	
16	10000057	Nguyễn Công Huy	03/12/2008	12A3	P03	Vật lý	Hóa học	
17	10000172	Dương Tuấn Hưng	03/07/2008	12A3	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
18	10000065	Nguyễn Bùi Anh Khoa	19/12/2008	12A3	P03	Vật lý	Hóa học	
19	10000067	Trần Quang Khoa	31/05/2008	12A3	P03	Vật lý	Hóa học	
20	10000176	Hà Thị Khánh Linh	15/02/2008	12A3	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
21	10000177	Hoàng Hà Linh	29/07/2008	12A3	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
22	10000223	Vũ Thị Thùy Linh	09/02/2008	12A3	P09	Vật lý	Lịch sử	
23	10000180	Nguyễn Thị Thanh Loan	10/12/2008	12A3	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
24	10000078	Phạm Đình Long	17/07/2008	12A3	P04	Vật lý	Hóa học	
25	10000181	Đào Đức Mạnh	25/09/2008	12A3	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
26	10000183	Lê Bình Minh	31/08/2008	12A3	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
27	10000188	Phạm Văn Nghĩa	02/03/2008	12A3	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
28	10000420	Đoàn Thảo Nguyên	01/10/2008	12A3	P17	Lịch sử	Hóa học	
29	10000084	Uông Thu Nguyễn	21/01/2008	12A3	P04	Vật lý	Hóa học	
30	10000085	Trần Trung Nhân	17/03/2008	12A3	P04	Vật lý	Hóa học	
31	10000191	Nguyễn Thị Yến Nhi	23/12/2008	12A3	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
32	10000086	Đỗ Thị Kiều Oanh	02/02/2008	12A3	P04	Vật lý	Hóa học	
33	10000087	Lê Hồng Phong	03/03/2008	12A3	P04	Vật lý	Hóa học	
34	10000092	Vũ Minh Quang	09/06/2008	12A3	P04	Vật lý	Hóa học	
35	10000094	Vũ Xuân Quyết	09/05/2008	12A3	P04	Vật lý	Hóa học	
36	10000095	Hà Tuấn Sáng	01/11/2008	12A3	P04	Vật lý	Hóa học	
37	10000096	Đặng Hồng Sơn	03/01/2008	12A3	P04	Vật lý	Hóa học	
38	10000101	Phí Toàn Thắng	07/03/2008	12A3	P05	Vật lý	Hóa học	
39	10000103	Hoàng Minh Thư	22/08/2008	12A3	P05	Vật lý	Hóa học	
40	10000194	Nguyễn Anh Thư	01/12/2008	12A3	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
41	10000106	Phạm Thị Thanh Trà	16/04/2008	12A3	P05	Vật lý	Hóa học	
42	10000108	Nguyễn Đức Trọng	20/02/2008	12A3	P05	Vật lý	Hóa học	
43	10000111	Lê Quốc Tuấn	22/06/2008	12A3	P05	Vật lý	Hóa học	
44	10000201	Nguyễn Thị Tường Vy	31/01/2008	12A3	P08	Vật lý	Tiếng Anh	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Môn thi thứ 1	Môn thi thứ 2	Ghi chú
1	10000005	Nguyễn Đức Anh	31/01/2008	12A4	P01	Vật lý	Hóa học	
2	10000257	Trần Thị Phương Anh	26/06/2008	12A4	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
3	10000012	Vũ Nguyễn Duy Anh	09/01/2008	12A4	P01	Vật lý	Hóa học	
4	10000015	Phạm Công Bách	25/11/2008	12A4	P01	Vật lý	Hóa học	
5	10000205	Vũ Xuân Bắc	17/02/2008	12A4	P09	Vật lý	Lịch sử	
6	10000259	Đỗ Thị Kim Dung	28/02/2008	12A4	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
7	10000208	Nguyễn Ngọc Dũng	18/08/2008	12A4	P09	Vật lý	Lịch sử	
8	10000209	Nguyễn Tuấn Dũng	15/02/2008	12A4	P09	Vật lý	Lịch sử	
9	10000030	Phạm Nguyễn Dương	24/04/2008	12A4	P02	Vật lý	Hóa học	
10	10000034	Trần Văn Tiến Đạt	05/07/2008	12A4	P02	Vật lý	Hóa học	
11	10000154	Vũ Đức Đạt	26/09/2008	12A4	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
12	10000037	Trần Văn Giảng	25/10/2008	12A4	P02	Vật lý	Hóa học	
13	10000165	Hoàng Trung Hiếu	27/07/2008	12A4	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
14	10000047	Phạm Trung Hiếu	16/10/2008	12A4	P02	Vật lý	Hóa học	
15	10000217	Nguyễn Huy Hoàng	29/04/2008	12A4	P09	Vật lý	Lịch sử	
16	10000055	Nguyễn Xuân Hùng	14/12/2008	12A4	P03	Vật lý	Hóa học	
17	10000219	Hà Quang Huy	09/04/2008	12A4	P09	Vật lý	Lịch sử	
18	10000221	Nguyễn Quang Huy	03/02/2008	12A4	P09	Vật lý	Lịch sử	
19	10000059	Doãn Phú Hưng	03/02/2008	12A4	P03	Vật lý	Hóa học	
20	10000224	Nguyễn Thanh Long	01/07/2008	12A4	P09	Vật lý	Lịch sử	
21	10000272	Tổng Trà My	07/11/2008	12A4	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
22	10000230	Nguyễn Nhật Nam	28/08/2008	12A4	P10	Vật lý	Lịch sử	
23	10000273	Nguyễn Thị Ngát	11/01/2008	12A4	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
24	10000274	Nguyễn Thị Kim Ngân	12/01/2008	12A4	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
25	10000350	Mai Huy Phát	07/01/2008	12A4	P15	Lịch sử	Tiếng Anh	
26	10000392	Lê Minh Phúc	09/05/2007	12A4	P16	Tiếng Anh	Hóa học	
27	10000235	Nghiêm Nhật Thành	21/03/2008	12A4	P10	Vật lý	Lịch sử	
28	10000236	Phạm Đình Thành	17/07/2008	12A4	P10	Vật lý	Lịch sử	
29	10000102	Nguyễn Thu Thủy	09/01/2008	12A4	P05	Vật lý	Hóa học	
30	10000439	Bùi Mai Trang	06/10/2008	12A4	P18	Hóa học	Sinh học	
31	10000198	Hoàng Thị Thu Trang	08/04/2008	12A4	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
32	10000114	Vũ Minh Tuệ	09/09/2008	12A4	P05	Vật lý	Hóa học	
33	10000116	Lê Thanh Tùng	15/12/2008	12A4	P05	Vật lý	Hóa học	
34	10000248	Nguyễn Viết Vũ	28/06/2008	12A4	P10	Vật lý	Lịch sử	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Môn thi thứ 1	Môn thi thứ 2	Ghi chú
1	10000126	Đỗ Thị Lan Anh	20/08/2008	12A5	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
2	10000131	Nguyễn Thị Lan Anh	02/06/2008	12A5	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
3	10000134	Nguyễn Trần Thu Anh	24/10/2008	12A5	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
4	10000140	Lương Ngọc Ánh	12/12/2008	12A5	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
5	10000142	Trần Ngọc Ánh	09/03/2008	12A5	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
6	10000016	Bùi Minh Bảo	08/11/2008	12A5	P01	Vật lý	Hóa học	
7	10000022	Trần Mạnh Cường	18/09/2008	12A5	P01	Vật lý	Hóa học	
8	10000145	Lê Thị Huyền Diệu	23/05/2008	12A5	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
9	10000148	Nguyễn Doãn Minh Dũng	01/05/2008	12A5	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
10	10000025	Nguyễn Quốc Dũng	09/05/2008	12A5	P01	Vật lý	Hóa học	
11	10000150	Nguyễn Thị Ánh Dương	20/05/2008	12A5	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
12	10000153	Bùi Tiến Đạt	25/06/2008	12A5	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
13	10000158	Nguyễn Hương Giang	09/11/2008	12A5	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
14	10000159	Nguyễn Thị Hải Hà	21/05/2008	12A5	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
15	10000162	Trần Hoàng Hải	20/07/2008	12A5	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
16	10000163	Hoàng Thị Hằng	05/02/2008	12A5	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
17	10000045	Lưu Đình Hiếu	02/05/2008	12A5	P02	Vật lý	Hóa học	
18	10000050	Nguyễn Thị Hòa	24/12/2008	12A5	P02	Vật lý	Hóa học	
19	10000166	Nguyễn Quốc Hội	29/11/2008	12A5	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
20	10000167	Nguyễn Thị Hồng Huê	01/02/2008	12A5	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
21	10000440	Bùi Mạnh Hùng	22/09/2008	12A5	P18	Hóa học	Sinh học	
22	10000169	Trần Phạm Kim Huy	20/01/2008	12A5	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
23	10000174	Nguyễn Thị Thúy Hường	02/01/2008	12A5	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
24	10000069	Nguyễn Đức Khôi	11/01/2008	12A5	P03	Vật lý	Hóa học	
25	10000425	Doãn Trung Kiểm	22/06/2008	12A5	P18	Vật lý	Sinh học	
26	10000179	Trần Nhật Linh	31/08/2008	12A5	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
27	10000081	Đỗ Nhật Minh	17/11/2008	12A5	P04	Vật lý	Hóa học	
28	10000441	Tô Quang Minh	08/05/2008	12A5	P18	Hóa học	Sinh học	
29	10000185	Lương Đức Nam	30/08/2008	12A5	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
30	10000231	Hoàng Ngân	09/03/2008	12A5	P10	Vật lý	Lịch sử	
31	10000418	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	15/02/2008	12A5	P17	Lịch sử	Sinh học	
32	10000360	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	12/04/2008	12A5	P15	Lịch sử	Tiếng Anh	
33	10000190	Lê Yên Nhi	06/12/2008	12A5	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
34	10000090	Vũ Đình Phước	14/05/2008	12A5	P04	Vật lý	Hóa học	
35	10000099	Bùi Nam Thành	04/07/2008	12A5	P04	Vật lý	Hóa học	
36	10000238	Vũ Thị Thảo	31/01/2008	12A5	P10	Vật lý	Lịch sử	
37	10000195	Nguyễn Trần Thủy Tiên	27/09/2008	12A5	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
38	10000196	Bùi Thùy Trang	26/05/2008	12A5	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
39	10000393	Nguyễn Thu Trang	22/07/2008	12A5	P16	Tiếng Anh	Hóa học	
40	10000243	Vũ Thành Trung	17/08/2008	12A5	P10	Vật lý	Lịch sử	
41	10000115	Hà Thanh Tùng	07/07/2008	12A5	P05	Vật lý	Hóa học	
42	10000120	Lê Anh Vũ	28/04/2008	12A5	P05	Vật lý	Hóa học	
43	10000200	Đỗ Nhật Vượng	21/01/2008	12A5	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
44	10000122	Trần Thị Hương Yên	18/11/2008	12A5	P05	Vật lý	Hóa học	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Môn thi thứ 1	Môn thi thứ 2	Ghi chú
1	10000125	Đặng Hải Anh	27/02/2008	12A6	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
2	10000127	Lê Thị Minh Anh	07/01/2008	12A6	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
3	10000130	Nguyễn Hoàng Anh	12/01/2008	12A6	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
4	10000203	Nguyễn Quỳnh Anh	02/01/2008	12A6	P09	Vật lý	Lịch sử	
5	10000132	Nguyễn Thị Xuân Anh	04/11/2008	12A6	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
6	10000136	Nguyễn Vân Anh	17/07/2008	12A6	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
7	10000010	Trần Hoàng Phan Anh	15/05/2008	12A6	P01	Vật lý	Hóa học	
8	10000139	Trần Tuấn Anh	30/12/2008	12A6	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
9	10000143	Ngô Bảo Quỳnh Chi	15/01/2008	12A6	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
10	10000146	Trần Thu Diệu	30/09/2008	12A6	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
11	10000147	Nguyễn Thùy Dung	02/11/2008	12A6	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
12	10000207	Doãn Trung Dũng	25/05/2008	12A6	P09	Vật lý	Lịch sử	
13	10000210	Tổng Ngọc Duy	01/11/2008	12A6	P09	Vật lý	Lịch sử	
14	10000040	Đỗ Huy Hải	09/11/2008	12A6	P02	Vật lý	Hóa học	
15	10000211	Nguyễn Xuân Hải	02/10/2008	12A6	P09	Vật lý	Lịch sử	
16	10000212	Quách Hữu Hạnh	01/12/2008	12A6	P09	Vật lý	Lịch sử	
17	10000213	Nguyễn Thị Hồng Hảo	07/02/2008	12A6	P09	Vật lý	Lịch sử	
18	10000043	Bùi Thị Thu Hằng	23/08/2008	12A6	P02	Vật lý	Hóa học	
19	10000214	Vũ Thị Thu Hiền	08/09/2008	12A6	P09	Vật lý	Lịch sử	
20	10000215	Hoàng Ngọc Hiếu	28/02/2008	12A6	P09	Vật lý	Lịch sử	
21	10000046	Nguyễn Minh Hiếu	20/12/2008	12A6	P02	Vật lý	Hóa học	
22	10000049	Trần Mai Hoa	16/03/2008	12A6	P02	Vật lý	Hóa học	
23	10000218	Lê Tuấn Hùng	30/09/2008	12A6	P09	Vật lý	Lịch sử	
24	10000220	Mai Lê Quốc Huy	14/07/2008	12A6	P09	Vật lý	Lịch sử	
25	10000171	Trần Thị Huyền	25/02/2008	12A6	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
26	10000061	Nguyễn Thị Thu Hương	06/07/2008	12A6	P03	Vật lý	Hóa học	
27	10000063	Nguyễn Duy Khánh	20/11/2008	12A6	P03	Vật lý	Hóa học	
28	10000071	Hoàng Tuấn Kiệt	23/11/2008	12A6	P03	Vật lý	Hóa học	
29	10000225	Nguyễn Thị Thảo Ly	16/10/2008	12A6	P09	Vật lý	Lịch sử	
30	10000227	Nguyễn Anh Minh	01/11/2008	12A6	P10	Vật lý	Lịch sử	
31	10000189	Nguyễn Thị Minh Ngọc	28/04/2008	12A6	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
32	10000233	Đặng Quang Quyết	09/07/2008	12A6	P10	Vật lý	Lịch sử	
33	10000193	Vũ Diệu Quỳnh	18/03/2008	12A6	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
34	10000098	Phạm Văn Thanh	30/08/2008	12A6	P04	Vật lý	Hóa học	
35	10000242	Nguyễn Minh Triết	16/03/2008	12A6	P10	Vật lý	Lịch sử	
36	10000107	Nguyễn Đăng Trường Trinh	26/03/2008	12A6	P05	Vật lý	Hóa học	
37	10000109	Nguyễn Kim Trọng	12/11/2008	12A6	P05	Vật lý	Hóa học	
38	10000356	Vũ Phú Trọng	14/10/2008	12A6	P15	Lịch sử	Tiếng Anh	
39	10000419	Phạm Mạnh Trường	17/07/2008	12A6	P17	Lịch sử	Sinh học	
40	10000246	Lê Hoàng Tùng	30/01/2008	12A6	P10	Vật lý	Lịch sử	
41	10000121	Phạm Hải Yến	08/09/2008	12A6	P05	Vật lý	Hóa học	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Môn thi thứ 1	Môn thi thứ 2	Ghi chú
1	10000001	Giáp Bằng Nghĩa A	16/05/2008	12A7	P01	Vật lý	Hóa học	
2	10000003	Doãn Trung Anh	01/08/2008	12A7	P01	Vật lý	Hóa học	
3	10000202	Nguyễn Đức Anh	24/05/2008	12A7	P09	Vật lý	Lịch sử	
4	10000204	Vũ Kim Nhật Anh	18/09/2008	12A7	P09	Vật lý	Lịch sử	
5	10000141	Quách Minh Ánh	08/02/2008	12A7	P06	Vật lý	Tiếng Anh	
6	10000442	Nguyễn Ngọc Bích	23/01/2008	12A7	P18	Hóa học	Sinh học	
7	10000258	Lưu Thị Ngọc Châm	18/01/2008	12A7	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
8	10000151	Tổng Thị Thuỳ Dương	23/11/2008	12A7	P07	Vật lý	Tiếng Anh	
9	10000051	Nguyễn Văn Hoan	12/11/2008	12A7	P03	Vật lý	Hóa học	
10	10000216	Nguyễn Đỗ Việt Hoàng	08/11/2008	12A7	P09	Vật lý	Lịch sử	
11	10000266	Mai Tuấn Hưng	02/09/2008	12A7	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
12	10000267	Bùi Mai Hương	17/04/2008	12A7	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
13	10000070	Nguyễn Trung Khôi	23/06/2008	12A7	P03	Vật lý	Hóa học	
14	10000394	Mai Thị Diệu Linh	25/03/2008	12A7	P16	Tiếng Anh	Hóa học	
15	10000076	Đồng Thanh Long	22/02/2008	12A7	P04	Vật lý	Hóa học	
16	10000077	Hoàng Đức Long	18/09/2008	12A7	P04	Vật lý	Hóa học	
17	10000226	Mai Văn Mạnh	28/08/2008	12A7	P10	Vật lý	Lịch sử	
18	10000229	Nguyễn Văn Minh	08/03/2008	12A7	P10	Vật lý	Lịch sử	
19	10000428	Trần Minh Minh	07/11/2008	12A7	P18	Lịch sử	Sinh học	
20	10000426	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	23/12/2008	12A7	P18	Vật lý	Sinh học	
21	10000232	Nguyễn Viêt Phong	01/11/2008	12A7	P10	Vật lý	Lịch sử	
22	10000429	Nguyễn Minh Quân	13/10/2008	12A7	P18	Lịch sử	Sinh học	
23	10000093	Bùi Tố Quyên	04/12/2008	12A7	P04	Vật lý	Hóa học	
24	10000430	Nguyễn Quyền Sang	25/01/2008	12A7	P18	Lịch sử	Sinh học	
25	10000395	Nguyễn Minh Tâm	17/10/2008	12A7	P16	Tiếng Anh	Hóa học	
26	10000234	Lê Văn Tấn	10/07/2008	12A7	P10	Vật lý	Lịch sử	
27	10000237	Phạm Văn Thành	16/03/2008	12A7	P10	Vật lý	Lịch sử	
28	10000240	Tổng Việt Toàn	20/06/2008	12A7	P10	Vật lý	Lịch sử	
29	10000427	Phạm Thị Huyền Trang	14/12/2008	12A7	P18	Vật lý	Sinh học	
30	10000241	Lê Công Triền	22/06/2008	12A7	P10	Vật lý	Lịch sử	
31	10000244	Vũ Văn Trung	13/09/2008	12A7	P10	Vật lý	Lịch sử	
32	10000245	Trần Trọng Tuấn	19/03/2008	12A7	P10	Vật lý	Lịch sử	
33	10000117	Trần Quang Vĩ	13/04/2008	12A7	P05	Vật lý	Hóa học	
34	10000118	Nguyễn Quang Vinh	18/07/2008	12A7	P05	Vật lý	Hóa học	
35	10000119	Đỗ Minh Quân Vũ	16/01/2008	12A7	P05	Vật lý	Hóa học	
36	10000249	Phan Minh Vũ	10/01/2008	12A7	P10	Vật lý	Lịch sử	
37	10000250	Nguyễn Quốc Vương	15/04/2008	12A7	P10	Vật lý	Lịch sử	
38	10000123	Lưu Đình Yên	16/01/2008	12A7	P05	Vật lý	Hóa học	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Môn thi thứ 1	Môn thi thứ 2	Ghi chú
1	10000275	Bùi Duy Anh	24/08/2008	12D1	P12	Lịch sử	Địa lý	
2	10000252	Lê Thị Mai Anh	24/04/2008	12D1	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
3	10000376	Nguyễn Hoàng Anh	02/03/2008	12D1	P16	Tiếng Anh	Địa lý	
4	10000253	Nguyễn Phương Anh	16/01/2008	12D1	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
5	10000254	Nguyễn Quỳnh Anh	10/01/2008	12D1	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
6	10000377	Nguyễn Thị Hà Anh	28/10/2008	12D1	P16	Tiếng Anh	Địa lý	
7	10000255	Nguyễn Tuấn Anh	23/03/2008	12D1	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
8	10000256	Phạm Phương Anh	03/10/2008	12D1	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
9	10000281	Hoàng Thị Ngọc Ánh	06/07/2008	12D1	P12	Lịch sử	Địa lý	
10	10000324	Bùi Quỳnh Chi	18/09/2008	12D1	P14	Địa lý	KT&PL	
11	10000286	Nguyễn Kiều Chinh	16/02/2008	12D1	P12	Lịch sử	Địa lý	
12	10000260	Vũ Trần Duy	02/12/2008	12D1	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
13	10000261	Đỗ Văn Đạt	05/08/2008	12D1	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
14	10000290	Nguyễn Phạm Ngọc Hà	12/10/2008	12D1	P12	Lịch sử	Địa lý	
15	10000291	Nguyễn Sơn Hà	17/12/2008	12D1	P12	Lịch sử	Địa lý	
16	10000378	Nguyễn Ngọc Hân	01/08/2008	12D1	P16	Tiếng Anh	Địa lý	
17	10000302	Phạm Diệu Huyền	30/07/2008	12D1	P13	Lịch sử	Địa lý	
18	10000303	Bùi Mai Hương	19/05/2008	12D1	P13	Lịch sử	Địa lý	
19	10000268	Bùi Thị Thu Hường	12/10/2008	12D1	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
20	10000306	Trần Thị Lan	19/07/2008	12D1	P13	Lịch sử	Địa lý	
21	10000307	Bùi Quốc Lâm	24/12/2008	12D1	P13	Lịch sử	Địa lý	
22	10000269	Lương Bích Liên	09/01/2008	12D1	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
23	10000379	Mai Phương Linh	08/01/2008	12D1	P16	Tiếng Anh	Địa lý	
24	10000380	Nguyễn Vũ Diệu Linh	01/11/2008	12D1	P16	Tiếng Anh	Địa lý	
25	10000313	Phạm Thị Khánh Linh	27/02/2008	12D1	P13	Lịch sử	Địa lý	
26	10000270	Trương Tú Linh	06/08/2008	12D1	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
27	10000381	Vũ Khánh Linh	03/06/2008	12D1	P16	Tiếng Anh	Địa lý	
28	10000382	Vũ Ngọc Linh	03/06/2008	12D1	P16	Tiếng Anh	Địa lý	
29	10000314	Phí Trang My	17/12/2008	12D1	P13	Lịch sử	Địa lý	
30	10000186	Nguyễn Trọng Nam	29/07/2008	12D1	P08	Vật lý	Tiếng Anh	
31	10000372	Đỗ Hoài Ngọc	07/10/2008	12D1	P16	Tiếng Anh	KT&PL	
32	10000348	Phạm Thị Thanh Nhân	24/05/2008	12D1	P15	Lịch sử	Tiếng Anh	
33	10000383	Triệu Thị Yến Phương	12/09/2008	12D1	P16	Tiếng Anh	Địa lý	
34	10000402	Hồ Ngọc Quỳnh	26/11/2008	12D1	P17	Lịch sử	KT&PL	
35	10000320	Nguyễn Xuân Sỹ	18/10/2008	12D1	P13	Lịch sử	Địa lý	
36	10000363	Phạm Thị Thanh Thơm	26/06/2008	12D1	P15	Lịch sử	Địa lý	
37	10000353	Trần Phương Thùy	01/09/2008	12D1	P15	Lịch sử	Tiếng Anh	
38	10000364	Nguyễn Ngọc Anh Thư	09/12/2008	12D1	P15	Lịch sử	Địa lý	
39	10000354	Phạm Anh Thư	30/09/2008	12D1	P15	Lịch sử	Tiếng Anh	
40	10000355	Vũ Anh Thư	06/12/2008	12D1	P15	Lịch sử	Tiếng Anh	
41	10000357	Lê Thị Cẩm Tú	20/08/2008	12D1	P15	Lịch sử	Tiếng Anh	
42	10000384	Quách Thị Thảo Vân	13/03/2008	12D1	P16	Tiếng Anh	Địa lý	
43	10000359	Nguyễn Thị Hải Yến	31/01/2008	12D1	P15	Lịch sử	Tiếng Anh	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Môn thi thứ 1	Môn thi thứ 2	Ghi chú
1	10000385	Bùi Đỗ Mai Anh	18/03/2008	12D2	P16	Tiếng Anh	Địa lý	
2	10000403	Bùi Thị Ngọc Anh	28/02/2008	12D2	P17	Lịch sử	KT&PL	
3	10000279	Đặng Phương Anh	30/07/2008	12D2	P12	Lịch sử	Địa lý	
4	10000404	Nghiêm Thế Anh	28/06/2008	12D2	P17	Lịch sử	KT&PL	
5	10000283	Phạm Việt Ánh	12/02/2008	12D2	P12	Lịch sử	Địa lý	
6	10000284	Bùi Thị Thanh Bình	02/04/2008	12D2	P12	Lịch sử	Địa lý	
7	10000373	Nguyễn Thùy Chi	27/09/2008	12D2	P16	Tiếng Anh	KT&PL	
8	10000263	Lê Ngân Hà	22/12/2008	12D2	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
9	10000294	Bùi Đăng Sơn Hải	11/02/2008	12D2	P12	Lịch sử	Địa lý	
10	10000295	Bùi Thị Hồng Hạnh	31/10/2008	12D2	P12	Lịch sử	Địa lý	
11	10000299	Nguyễn Thị Huệ	28/01/2008	12D2	P13	Lịch sử	Địa lý	
12	10000300	Đặng Văn Việt Hùng	21/02/2008	12D2	P13	Lịch sử	Địa lý	
13	10000301	Lê Thị Ngọc Huyền	10/06/2008	12D2	P13	Lịch sử	Địa lý	
14	10000374	Phùng Văn Hưng	30/11/2008	12D2	P16	Tiếng Anh	KT&PL	
15	10000309	Bùi Diệu Linh	08/11/2008	12D2	P13	Lịch sử	Địa lý	
16	10000222	Nguyễn Phương Linh	21/11/2008	12D2	P09	Vật lý	Lịch sử	
17	10000405	Nguyễn Thùy Linh	03/10/2008	12D2	P17	Lịch sử	KT&PL	
18	10000406	Trần Diệu Linh	15/12/2008	12D2	P17	Lịch sử	KT&PL	
19	10000338	Trần Ngọc Khánh Ly	25/11/2008	12D2	P14	Địa lý	KT&PL	
20	10000375	Hồ Trà My	28/06/2008	12D2	P16	Tiếng Anh	KT&PL	
21	10000386	Lê Thị Trà My	08/02/2008	12D2	P16	Tiếng Anh	Địa lý	
22	10000315	Cao Thị Ngọc	08/11/2008	12D2	P13	Lịch sử	Địa lý	
23	10000316	Nguyễn Bảo Nhi	27/09/2008	12D2	P13	Lịch sử	Địa lý	
24	10000317	Nguyễn Thị Yến Nhi	20/09/2008	12D2	P13	Lịch sử	Địa lý	
25	10000319	Quách Thị Khánh Ny	29/07/2008	12D2	P13	Lịch sử	Địa lý	
26	10000407	Nguyễn Thị Quyên	01/07/2008	12D2	P17	Lịch sử	KT&PL	
27	10000351	Trần Trúc Quỳnh	08/02/2008	12D2	P15	Lịch sử	Tiếng Anh	
28	10000352	Vũ Phương Thảo	08/04/2008	12D2	P15	Lịch sử	Tiếng Anh	
29	10000362	Vương Thị Thơ	10/11/2008	12D2	P15	Lịch sử	Địa lý	
30	10000408	Nguyễn Lê Anh Thư	08/07/2008	12D2	P17	Lịch sử	KT&PL	
31	10000409	Quách Thị Thương	14/12/2008	12D2	P17	Lịch sử	KT&PL	
32	10000410	Phạm Thu Uyên	10/03/2008	12D2	P17	Lịch sử	KT&PL	
33	10000371	Trần Thanh Vân	09/08/2008	12D2	P15	Lịch sử	Địa lý	
34	10000397	Nguyễn Thị Hà Vi	28/03/2008	12D2	P17	Lịch sử	Địa lý	
35	10000398	Uông Bảo Việt	23/05/2008	12D2	P17	Lịch sử	Địa lý	
36	10000400	Đoàn Thị Yến	07/09/2008	12D2	P17	Lịch sử	Địa lý	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Môn thi thứ 1	Môn thi thứ 2	Ghi chú
1	10000280	Lê Phương Anh	02/09/2008	12D3	P12	Lịch sử	Địa lý	
2	10000411	Lê Thị Phương Anh	22/07/2008	12D3	P17	Lịch sử	KT&PL	
3	10000282	Lê Ngọc Ánh	26/07/2008	12D3	P12	Lịch sử	Địa lý	
4	10000412	Nguyễn Ngọc Bảo Chi	23/10/2008	12D3	P17	Lịch sử	KT&PL	
5	10000285	Phan Thị Mai Chi	28/10/2008	12D3	P12	Lịch sử	Địa lý	
6	10000326	Tổng Lê Ngọc Diễm	19/11/2008	12D3	P14	Địa lý	KT&PL	
7	10000421	Đoàn Duy Định	04/11/2008	12D3	P18	Vật lý	Địa lý	
8	10000287	Lê Thị Giang	19/08/2008	12D3	P12	Lịch sử	Địa lý	
9	10000288	Bùi Thị Hải Hà	06/04/2008	12D3	P12	Lịch sử	Địa lý	
10	10000289	Ngô Việt Hà	26/01/2008	12D3	P12	Lịch sử	Địa lý	
11	10000292	Nguyễn Vũ Mai Hà	15/09/2008	12D3	P12	Lịch sử	Địa lý	
12	10000293	Trần Việt Hà	03/10/2008	12D3	P12	Lịch sử	Địa lý	
13	10000298	Phạm Thị Ngọc Hân	15/11/2008	12D3	P12	Lịch sử	Địa lý	
14	10000332	Nguyễn Lan Hương	20/03/2008	12D3	P14	Địa lý	KT&PL	
15	10000333	Phạm Thị Lan Hương	10/04/2008	12D3	P14	Địa lý	KT&PL	
16	10000334	Trần Thị Thu Hường	30/04/2008	12D3	P14	Địa lý	KT&PL	
17	10000304	Trần Văn Khánh	02/10/2008	12D3	P13	Lịch sử	Địa lý	
18	10000422	Nguyễn Xuân Lâm	18/12/2008	12D3	P18	Vật lý	Địa lý	
19	10000311	Nghiêm Diệu Linh	08/09/2008	12D3	P13	Lịch sử	Địa lý	
20	10000336	Vũ Thị Thùy Linh	26/04/2008	12D3	P14	Địa lý	KT&PL	
21	10000413	Phan Thị Trà My	19/11/2008	12D3	P17	Lịch sử	KT&PL	
22	10000271	Tổng Trà My	17/10/2008	12D3	P11	Lịch sử	Tiếng Anh	
23	10000340	Nguyễn Hoàng Ngân	24/08/2008	12D3	P14	Địa lý	KT&PL	
24	10000414	Đỗ Thị Yến Nhi	12/04/2008	12D3	P17	Lịch sử	KT&PL	
25	10000318	Phạm Thị Hồng Nhung	28/09/2008	12D3	P13	Lịch sử	Địa lý	
26	10000387	Nguyễn Quốc Phong	27/06/2008	12D3	P16	Tiếng Anh	Địa lý	
27	10000415	Nguyễn Thị Phương	04/08/2008	12D3	P17	Lịch sử	KT&PL	
28	10000321	Nguyễn Thị Thanh Thảo	16/02/2008	12D3	P13	Lịch sử	Địa lý	
29	10000388	Nguyễn Thị Thanh Thảo	17/02/2008	12D3	P16	Tiếng Anh	Địa lý	
30	10000344	Phạm Thị Thanh Thảo	22/04/2008	12D3	P14	Địa lý	KT&PL	
31	10000369	Đỗ Thành Trung	18/09/2008	12D3	P15	Lịch sử	Địa lý	
32	10000423	Trần Quang Trường	08/07/2008	12D3	P18	Vật lý	Địa lý	
33	10000347	Doãn Thị Hà Vy	13/07/2008	12D3	P14	Địa lý	KT&PL	
34	10000399	Đào Phạm Nhất Xuân	02/12/2008	12D3	P17	Lịch sử	Địa lý	
35	10000401	Quách Hải Yến	17/01/2008	12D3	P17	Lịch sử	Địa lý	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Môn thi thứ 1	Môn thi thứ 2	Ghi chú
1	10000276	Bùi Phương Anh	20/01/2008	12D4	P12	Lịch sử	Địa lý	
2	10000323	Bùi Thị Phương Anh	22/01/2008	12D4	P14	Địa lý	KT&PL	
3	10000278	Doãn Lê Quỳnh Anh	15/08/2008	12D4	P12	Lịch sử	Địa lý	
4	10000277	Tạ Lan Anh	08/09/2008	12D4	P12	Lịch sử	Địa lý	
5	10000325	Nguyễn Đức Cường	20/05/2008	12D4	P14	Địa lý	KT&PL	
6	10000327	Trần Thị Mỹ Dung	30/08/2008	12D4	P14	Địa lý	KT&PL	
7	10000328	Nguyễn Thê Giang	21/03/2008	12D4	P14	Địa lý	KT&PL	
8	10000416	Nguyễn Thị Hương Giang	21/06/2008	12D4	P17	Lịch sử	KT&PL	
9	10000296	Doãn Thị Tuyết Hằng	26/02/2008	12D4	P12	Lịch sử	Địa lý	
10	10000297	Hoàng Ngọc Hân	12/08/2008	12D4	P12	Lịch sử	Địa lý	
11	10000329	Nguyễn Duy Minh Hiếu	11/10/2008	12D4	P14	Địa lý	KT&PL	
12	10000330	Phan Mạnh Hùng	16/10/2008	12D4	P14	Địa lý	KT&PL	
13	10000331	Đỗ Thị Huyền	17/06/2008	12D4	P14	Địa lý	KT&PL	
14	10000305	Giáp Bằng Anh Khoa	13/10/2008	12D4	P13	Lịch sử	Địa lý	
15	10000308	Nguyễn Xuân Lâm	11/07/2008	12D4	P13	Lịch sử	Địa lý	
16	10000310	Đoàn Thùy Linh	22/10/2008	12D4	P13	Lịch sử	Địa lý	
17	10000335	Lê Thùy Linh	16/10/2008	12D4	P14	Địa lý	KT&PL	
18	10000312	Nguyễn Khánh Linh	10/11/2008	12D4	P13	Lịch sử	Địa lý	
19	10000337	Lê Thị Loan	12/06/2008	12D4	P14	Địa lý	KT&PL	
20	10000339	Trần Thị Tuyết Mai	23/10/2008	12D4	P14	Địa lý	KT&PL	
21	10000341	Trần Duy Nguyên	31/08/2008	12D4	P14	Địa lý	KT&PL	
22	10000342	Hoàng Trung Ninh	10/08/2008	12D4	P14	Địa lý	KT&PL	
23	10000417	Phạm Thị Nụ	12/10/2008	12D4	P17	Lịch sử	KT&PL	
24	10000343	Nguyễn Việt Quang	19/01/2008	12D4	P14	Địa lý	KT&PL	
25	10000322	Vũ Phương Thảo	10/09/2008	12D4	P13	Lịch sử	Địa lý	
26	10000361	Đỗ Hoàng Mai Trang	31/10/2008	12D4	P15	Lịch sử	Địa lý	
27	10000365	Nguyễn Thùy Trang	28/01/2008	12D4	P15	Lịch sử	Địa lý	
28	10000366	Đặng Minh Trí	20/10/2008	12D4	P15	Lịch sử	Địa lý	
29	10000345	Nguyễn Khắc Trịnh	26/01/2008	12D4	P14	Địa lý	KT&PL	
30	10000367	Trần Nguyễn Thanh Trúc	25/12/2008	12D4	P15	Lịch sử	Địa lý	
31	10000368	Bùi Anh Tuấn	11/05/2008	12D4	P15	Lịch sử	Địa lý	
32	10000370	Đỗ Thị Ánh Tuyết	23/08/2008	12D4	P15	Lịch sử	Địa lý	
33	10000346	Trần Đức Vinh	23/01/2008	12D4	P14	Địa lý	KT&PL	
34	10000247	Trần Thị Anh Thơ	31/08/2008	12D4	P10	Vật lý	Lịch sử	

DANH SÁCH THÍ SINH TRONG PHÒNG THI

STT	Số báo danh	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Môn thi thứ 1	Môn thi thứ 2	Ghi chú
-----	-------------	-----------	-----------	-----	-----------	---------------	---------------	---------